

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HC-PT

Ngày: 26/02/2020

V/v Khởi kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Nguyễn Văn Cường.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung-Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Lê Thị Thu Hà- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 279/2019/TLPT-HC ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1135/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Lữ Hồng G, sinh năm 1960; địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh S; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H- Công ty Luật TNHH TGS; địa chỉ: Số 5, ngách 24, ngõ 1, đường T, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh H.

Người đại diện ủy quyền: Ông Trương Quốc B-Phó Chủ tịch UBND thành phố P; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Đường Biên H, phường Lương Khánh T, thành phố P, tỉnh H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Đ-Chủ tịch UBND phường L; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Công ty Cổ phần tập đoàn E; địa chỉ: Tầng 5, tháp E, HH2-1 đường P, phường T, quận G, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Văn H- Giám đốc Dự án; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Khu đô thị River Silk City được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh H phê duyệt Đồ án thiết kế Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, theo các Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 24/01/2011; Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 04/5/2012 điều chỉnh tổng diện tích dự án từ 219,3488ha thành 218,1531ha; Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500. Chủ đầu tư dự án là Công ty cổ phần Đầu tư E.

Ngày 29/6/2012, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 876a/QĐ- UBND cho phép đầu tư Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới River Silk City.

Ngày 26/4/2014, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 436/3/QĐ-UBND thu hồi của hộ ông Lữ Hồng G diện tích 108m² đất (gồm 58m² đất LNK và 50m² đất TSN) tại thửa số 223, tờ bản đồ số 8, phường L để thực hiện dự án: Xây dựng khu đô thị mới River Silk City, địa bàn phường L, thành phố P.

Ngày 06/5/2014, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 509/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi GPMB để thực hiện dự án: Xây dựng khu đô thị mới River Silk City, địa bàn phường L, thành phố P. Theo đó, hộ gia đình ông Lữ Hồng G được bồi thường tài sản cây cối, vật kiến trúc trên đất là 6.726.625đ và bồi thường tiền đất là 105.840.000đ, tổng cộng 112.566.625đ và được bố trí 54m² đất tái định cư theo giá quy định tại dự án E.

Hộ gia đình ông G không chấp hành quyết định thu hồi đất nên ngày 19/10/2016, Chủ tịch UBND thành phố P đã ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2845/QĐ-UBND đối với hộ gia đình ông G. Do ông G không có mặt tại địa phương nên UBND phường L đã giao quyết định cho cụ Lữ Văn K (bố đẻ của ông G) và nhờ cụ K chuyển cho ông G nhưng cụ K không nhận; sau một thời gian ông G không thực hiện, UBND thành phố tiếp tục ban hành Quyết định cưỡng chế số 1361/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 và niêm yết tại UBND phường L, nhà văn hóa tổ dân phố Mễ Nội. Ngày 05/7/2017, Ban cưỡng chế tổ chức tiến hành cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ cụ Lữ Văn K, ông Lữ Hồng G và ông Lữ Bảo Q; cụ K có mặt tại nhà nhưng không chấp hành và có hành vi chống đối đoàn cưỡng chế; ông G, ông Q không có mặt.

Ngày 04/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh H nhận được đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2018 của ông Lữ Hồng G với nội dung yêu cầu Tòa án hủy Quyết định thu hồi đất số 436/3/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 của UBND thành phố P, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2845/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 và Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1361/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Chủ

tịch UBND thành phố P, tỉnh H. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông G yêu cầu bồi thường tài sản, cây cối từ việc thu hồi, cưỡng chế trái pháp luật của chính quyền địa phương gây ra, tổng thiệt hại là 134.150.000đ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 15/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lữ Hồng G về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định thu hồi đất số 436/3/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 của UBND thành phố P; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2845/QĐ-UBND ngày 19/10/2016; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1361/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh H và đòi bồi thường thiệt hại từ việc cưỡng chế tài sản trên đất, tổng cộng 134.150.000đ. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/7/2019, người khởi kiện là ông Lữ Hồng G có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Theo người đại diện theo ủy quyền của ông Lữ Hồng G là ông Nguyễn Đức H trình bày: Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định thu hồi đất của UBND thành phố P; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND thành phố P là không đúng theo quy định của pháp luật; đề nghị hủy các quyết định nêu trên. Đề nghị trả lại cho hộ ông Lữ Hồng G diện tích 108m² đất (gồm 58m² đất LNK và 50m² đất TSN) và 26m² đất lối đi.

Theo đại diện của Công ty Cổ phần tập đoàn E: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Lữ Hồng G; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Lữ Hồng G, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 25/6/2018, ông Lữ Hồng G khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 436/3/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 của UBND thành phố P; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2845/QĐ-UBND ngày 19/10/2016; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1361/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh H; hoàn trả cho ông G 108m² đất cùng diện tích 26m² đất lối đi và bồi thường cây cối hoa màu, tài sản đã phá dỡ từ việc cưỡng chế trái pháp luật của UBND và Chủ tịch UBND thành phố P là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lữ Hồng G: Ngày 29/6/2012, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 876a/QĐ-UBND cho phép đầu tư Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới River Silk City. Để triển khai thực hiện dự án, ngày 30/8/2012 UBND thành phố P ban hành Thông báo số 299/TB-UBND về việc thu hồi đất thuộc phạm vi dự án: Xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới River Silk City địa bàn xã L, thành phố P. Ngày 29/8/2012, tổ công tác của ban GPMB phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức kiểm kê thực địa tại thửa đất của ông Lữ Hồng G. Theo đó, ông G bị thu hồi 108m² đất nằm trong thửa số 223 có tổng diện tích 270m² đã được UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 453010 ngày 22/10/2010 (nguồn gốc đất của ông G do cụ Lữ Văn K là bố đẻ chuyển nhượng; cụ K cũng có đất bị thu hồi cùng dự án nêu trên).

Ngày 26/11/2013, Hội đồng bồi thường GPMB thành phố P tổ chức hội nghị giới thiệu phạm vi, quy mô chính sách bồi thường thực hiện dự án tới các hộ dân bị thu hồi đất của hai thôn Mễ Nội và thôn Thá tại Nhà văn hóa phường L. Ngày 10/12/2013, UBND phường L ban hành Thông báo số 17/TB-UBND về việc kiểm kê đất đai phần tài sản, nhà cửa, vật kiến trúc của hộ ông Lữ Hồng G. Ngày 04/3/2014, Hội đồng bồi thường GPMB ban hành Thông báo số 111/TB-HĐBTGPMB về việc công khai phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ bị thu hồi đất; hình thức công khai: Công khai phương án của các hộ tại trụ sở UBND phường L, công khai tới từng hộ gia đình kèm theo Thông báo số 111/TB-HĐBTGPMB gồm biểu tính phương án và biên bản kiểm kê số liệu. Ngày 24/3/2014, kết thúc công khai phương án bồi thường đất, tài sản trên đất và các chính sách hỗ trợ nằm trong phạm vi GPMB, hộ ông G không có ý kiến. Ngày 26/4/2014, UBND thành phố ban hành Quyết định số 436/3/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông G, theo đó thu hồi 108m² đất hợp pháp (trong đó có 58m² đất LNK và 50m² đất TSN), tại thửa số 223, tờ bản đồ số 8, phường L.

Theo Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 06/5/2014 của UBND thành phố P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, cho các gia đình, cá nhân thuộc phạm vi GPMB, trong đó có hộ ông G. Ngày 8/5/2014, Hội đồng bồi thường GPMB ban hành Thông báo số 180/8/TB-HĐBTGPMB về việc công khai phương án bồi thường, hỗ trợ gửi hộ ông G, nội dung: Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 112.566.625đ; trong đó: Bồi thường, hỗ trợ tiền đất là 105.840.000đ, bồi thường tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất là 6.726.625đ và được bố trí 54m² đất tái định cư theo giá quy định tại dự án E.

Như vậy, Quyết định số 436/3/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 của UBND thành phố P đảm bảo đúng thủ tục, trình tự, thẩm quyền theo quy định tại Điều 39, khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông G đề nghị hủy Quyết định số 436/3/QĐ-UBND là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 436/3/QĐ-UBND.

Đối với Quyết định cưỡng chế số 2845/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 và Quyết định cưỡng chế số 1361/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố P: Do ông G không có mặt tại địa phương nên UBND phường L đã

giao Quyết định cưỡng chế số 2845/QĐ-UBND cho cụ K (bố đẻ của ông G) và nhờ cụ K chuyển cho ông G nhưng cụ K không nhận. Sau một thời gian ông G không thực hiện, UBND thành phố tiếp tục ban hành Quyết định cưỡng chế số 1361/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 và ngày 27/6/2017, đã tiến hành niêm yết Quyết định cưỡng chế số 1361/QĐ-UBND tại trụ sở UBND phường L và nhà văn hóa tổ dân phố Mễ Nội, phường L. Do hộ gia đình ông G không có mặt tại địa phương nên ngày 03/7/2017, Ban giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND-MTTQ phường L đến gia đình cụ K để nhờ cụ K chuyển giúp Quyết định cưỡng chế số 1361/QĐ-UBND tới ông G, nhưng cụ K không tiếp đoàn công tác và không nhận quyết định. Ngày 03/7/2017, UBND thành phố P ban hành Thông báo số 391/TB-UBND v/v cưỡng chế thu hồi đất đối với các hộ cụ K, ông Q và ông G vào ngày 05/7/2017. Trong thời gian từ ngày 27/6/2017 đến ngày 04/7/2017 Ban GPMB không nhận được ý kiến phản hồi của ông G. Ngày 05/7/2017, Ban cưỡng chế tổ chức tiến hành cưỡng chế thu hồi đất đối với 03 hộ cụ Lữ Văn K, ông Lữ Hồng G và ông Lữ Bảo Q; cụ K có mặt tại nhà nhưng không chấp hành có hành vi chống đối đoàn cưỡng chế; ông G, ông Q không có mặt. Ngày 15/9/2017, Ban GPMB và các cơ quan liên quan tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp với ông G và ông Q, tuyên truyền vận động hai gia đình chấp hành; ông Q và ông G có ý kiến không đồng ý với nội dung đối thoại, đề nghị cung cấp các văn bản của tỉnh về việc thu hồi đất của Nhà nước giao cho Doanh nghiệp và cho rằng trình tự thu hồi đất không đúng theo quy định của pháp luật. Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định cưỡng chế số 2845/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 và Quyết định cưỡng chế số 1361/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 về thu hồi diện tích 108m² đất của ông G đều đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông G huỷ các quyết định cưỡng chế thu hồi đất và yêu cầu trả lại 108m².

Đối với diện tích 26m² đất lối đi, qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp thì 26m² đất do Ủy ban quản lý, trước khi thực hiện dự án là bờ máng để nhân dân đi lại canh tác lúa chứ không phải của cá nhân gia đình cụ K hay ông G; hơn nữa trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông G không có diện tích 26m² này. Vì vậy, kháng cáo này của ông G không có căn cứ chấp nhận.

Quyết định thu hồi đất và các quyết định cưỡng chế thu hồi đất là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường cây cối hoa màu, tài sản đã phá dỡ từ việc cưỡng chế, thu hồi đất trái pháp luật với số tiền là 134.150.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông G.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông Lữ Hồng G không được Tòa án chấp nhận nên ông G phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, án phí và lệ phí Tòa án:

Bác yêu cầu kháng cáo của ông Lữ Hồng G; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Về án phí: Ông Lữ Hồng G phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004063, ngày 09/8/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh H (Nguyễn Văn N nộp thay ông Lữ Hồng G).

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh H;
- TAND tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình